

Số: 03 /2021/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 13 tháng 01 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng  
và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam  
giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;*

*Xét Tờ trình số 7730/TTr-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-HĐND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 3. Mục tiêu của chính sách**

### 1. Mục tiêu chung:

Nâng cao hiệu quả phục vụ của hệ thống công trình thủy lợi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Trong đó, ưu tiên đầu tư những khu vực có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, các xã nông thôn mới, các cánh đồng dồn điền đổi thửa, cánh đồng mẫu và các khu vực sản phẩm nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm của địa phương, từng bước chuyển đổi sang cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới, thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra hiện nay.

### 2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiên cố hoá kênh mương (thuộc hệ thống thủy lợi nội đồng): Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ kênh mương được kiên cố đạt trên 70%; thực hiện đầu tư kiên cố ít nhất 200 km, bình quân mỗi năm 40 km.

b) Về thủy lợi nhỏ: Đầu tư xây dựng ít nhất 25 công trình, bình quân mỗi năm 05 công trình.

c) Về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Đầu tư xây dựng trên 50 công trình, bình quân mỗi năm 10 công trình.

## **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. Thủy lợi nhỏ là các công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn 20 ha đối với vùng miền núi; 50 ha đối với vùng trung du và 100 ha đối với vùng đồng bằng. Các công trình thủy lợi nhỏ đặc thù trên địa bàn tỉnh được quy định trong nghị quyết này như: Đập dâng, trạm bơm điện, ao thu gom nước nhả, cống và thủy lợi cho vùng đất màu.

2. Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng là các công trình áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm.

3. Thủy lợi nội đồng là các công trình kênh, mương, rạch, đường ống dẫn nước tưới, tiêu trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

## **Điều 5. Quy định về khu vực áp dụng chính sách**

1. Khu vực I: Gồm các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Phú Ninh, Núi Thành (trừ các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và xã hải đảo thuộc các địa phương nêu trên).

2. Khu vực II: Gồm các huyện: Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn và các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã hải đảo thuộc các huyện, thị xã, thành phố đã nêu tại khu vực I.

3. Khu vực III: Gồm các huyện: Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Tây Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My.

#### **Điều 6. Chính sách, cơ chế hỗ trợ đầu tư kiên cố hoá kênh mương**

1. Khu vực I: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư công trình; ngân sách cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã 30%, trong đó tỷ lệ hỗ trợ của cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã do Hội đồng nhân dân cấp huyện quy định.

2. Khu vực II: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư công trình; ngân sách cấp huyện 10%.

3. Khu vực III: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 95% tổng mức đầu tư công trình; ngân sách cấp huyện 5%.

4. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% đối với các công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam quản lý.

#### **Điều 7. Chính sách, cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ**

1. Khu vực I: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình; ngân sách cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã 30%, trong đó tỷ lệ hỗ trợ của cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã do Hội đồng nhân dân cấp huyện quy định.

2. Khu vực II: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ.

3. Khu vực III: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 95% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ.

4. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% đối với các công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam quản lý nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình.

#### **Điều 8. Chính sách, cơ chế hỗ trợ đầu tư công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình theo tỷ lệ sau:

a) Khu vực I: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 40 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

b) Khu vực II: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 60 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

c) Khu vực III: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 80 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

2. Hỗ trợ san phẳng đồng ruộng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% đối với các Khu vực nhưng không quá 10 triệu đồng/01ha.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng ở cấp xã.

b) Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên đối với Khu vực I và 0,1 ha trở lên đối với Khu vực II, Khu vực III; việc hỗ trợ cho cá nhân thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

c) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên đối với Khu vực I và 01 ha trở lên đối với Khu vực II, Khu vực III; đồng thời phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất.

d) Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu: Theo danh mục quy định sản phẩm, cây trồng chủ lực của địa phương, tỉnh và quốc gia được phê duyệt.

### **Điều 9. Kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng**

Phần kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện kiên cố hóa kênh mương; công trình thủy lợi nhỏ; công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước do địa phương và nhân dân đóng góp thực hiện.

### **Điều 10. Cơ chế quản lý, triển khai chương trình**

1. Các ngành ở cấp tỉnh quản lý quy hoạch ngành, kế hoạch đầu tư; hướng dẫn quy trình thẩm định hồ sơ, thủ tục triển khai thực hiện chương trình.

2. Chính quyền cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện chương trình theo đúng quy định pháp luật hiện hành; lựa chọn danh mục, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quản lý và tổ chức thực hiện các công trình đúng mục tiêu, phạm vi, quy mô được quy định tại nghị quyết này, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia quản lý, triển khai thực hiện các nội dung theo phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

### **Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện và nhu cầu nguồn vốn**

1. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan.

b) Nguồn ngân sách địa phương (gồm tỉnh, huyện, xã) và các nguồn vốn hợp pháp khác (doanh nghiệp, hợp tác xã...).

2. Nhu cầu nguồn vốn giai đoạn 2021-2025

a) Đối với kiên cố hóa kênh mương

Tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 200 tỷ đồng; bình quân mỗi năm 40 tỷ đồng, Trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 32 tỷ đồng; phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Đối với thủy lợi nhỏ.

Tổng nguồn vốn hỗ trợ khoảng 75 tỷ đồng; bình quân mỗi năm 15 tỷ đồng; Trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 12 tỷ đồng; phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Đối với công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Tổng nguồn vốn hỗ trợ khoảng 50 tỷ đồng; bình quân mỗi năm 10 tỷ đồng; Trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 06 tỷ đồng; phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2021.

---

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 13 tháng 01 năm 2021./.*

### **Nơi nhận<sup>1</sup>:**

- Ủy ban TVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Bộ NN&PTNT;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; TT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH(Phiên).

### **CHỦ TỊCH**

**Phan Việt Cường**

---

<sup>1</sup> Gửi qua trực văn bản liên thông

